Settings. American Academy of Ophthalmology. 2018;Volume 125, Number 10, October 2018:pp1608-1622.
3. **Hoàng Thị Phúc, Phạm Trọng Văn, Nguyễn Hữu Quốc Nguyên.** Nghiên cứu tình hình bệnh võng mạc đái tháo đường tại Việt Nam. Kỷ yếu hội nghị Nhãn khoa. 2010;170.
4. **Nakagami T, Takahashi K, Suto C, et al.** Diabetes diagnostic thresholds of the glycated hemoglobin A1c and fasting plasma glucose levels considering the 5-year incidence of retinopathy. Diabetes research and clinical practice. 2017;124:20-29.
5. **Wong TY, Sun J, Kawasaki R.** Guideline on Diabetic Eye Care. American Academy of Ophthalmology. 2018;125(10):1608-1622.
6. **Viswanath K, McGavin DD.** Diabetic retinopathy: clinical findings and management. Community eye health. 2003;16(46):21-24.
7. **Chua SYL, Welsh P, Sun Z, et al.** Associations Between HbA1c Across the Normal Range, Diagnosed, and Undiagnosed Diabetes and Retinal Layer Thickness in UK Biobank Cohort. Translational vision science & technology. 2023;12(2):25.
8. **Lê Thị Hiền.** Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng bệnh võng mạc đái tháo đường tại bệnh viện đa khoa tỉnh Hòa Bình năm 2020 và một số yếu tố liên quan. Luận văn Chuyên khoa cấp 2, Trường Đại học Y Hà Nội. 2020.
9. **Almutairi NM, Alahmadi S, Alharbi M, Gotah S, Alharbi M.** The Association Between HbA1c and Other Biomarkers With the Prevalence and Severity of Diabetic Retinopathy. Cureus. 2021;13(1):e12520.
10. **Abdulrahman Hamzah Badawi MA-B, Mohammed Abusayf, et al.** Prevalence And Risk Factors of Diabetic Retinopathy: A Clinical-Based Cross Sectional Study in Madinah's Tertiary Diabetic Centre, Saudi Arabia. IJSR - International journal of Scientific research. 2016; Volume: 5, Issue: 3, March 2016, ISSN No 2277 - 8179, IF: 3.508:pp587-590.

KHẢO SÁT KIẾN THỨC VỀ CÁC BƯỚC SƠ CỨU XỬ LÝ TỔN THƯƠNG, PHƠI NHIỄM VỚI MÁU VÀ DỊCH CƠ THỂ KHI THỰC TẬP TẠI CÁC BỆNH VIỆN THỰC HÀNH CỦA SINH VIÊN

Nguyễn Thị Hồng[1], Lê Thị Thùy Trang[1], Nguyễn Thị Thùy Trang[1], Lạc Minh Thư[1], Lưu Gia Tuyền[1], Nguyễn Ngọc Anh Thư[1], Trần Ngọc Lel[1], Nguyễn Kim Cương[1], Ngô Thị Dung[1]

TÓM TẮT

Mục tiêu: Trong quá trình thực tập tại bệnh viện, sinh viên ngành y tế thường tiếp xúc trực tiếp với máu và dịch cơ thể của bệnh nhân. Điều này cho chúng ta thấy, kiến thức về các bước sơ cứu xử lý tổn thương, phơi nhiễm với máu và dịch cơ thể khi thực tập tại các bệnh viện thực hành của sinh viên là điều rất quan trọng. Xuất phát từ vấn đề trên, chúng tôi tiến hành khảo sát kiến thức về các bước sơ cứu xử lý tổn thương, phơi nhiễm với máu và dịch cơ thể khi thực tập tại các bệnh viện thực hành của sinh viên. **Phương pháp:** Mô tả cắt ngang có phân tích. **Kết quả:** Tỉ lệ nam: 49 (22,79%), nữ: 166 (77,21%). Trong khảo sát đồng ý về các bước sơ cứu khi gặp tổn thương do kim tiêm hay vật sắc nhọn, khi phơi nhiễm do bắn máu và/hoặc dịch cơ thể lên da bị tổn thương, khi phơi nhiễm do bắn máu hoặc dịch cơ thể lên mắt, khi phơi nhiễm do bắn máu và/hoặc dịch cơ thể lên miệng hoặc mũi, khi phơi nhiễm do bắn máu và/hoặc dịch cơ thể lên da nguyên vẹn: tỉ lệ hoàn toàn đồng ý và đồng ý lần lượt là 92,1% và 83,3%; 91,16%, 81,39% và 84,19%; 92,16% và 90,70%; 91,16%, 80,70%, 86,51% và 90,13%; 92, 56% và 81,86%; tỉ lệ không đồng ý nhưng cũng không phản đối lần lượt là 3,72% và 7,91%; 4,19%, 7,91% và 9,77%; 5,58% và 6,51%; 5,58%, 6,51%, 9,3% và 6,51%; 4,65% và 11,16%. **Kết luận:** Tỉ lệ nam: 22,79%, nữ: 77,21%. Trong khảo sát đồng ý về các bước sơ cứu khi gặp tổn thương do kim tiêm hay vật sắc nhọn, khi phơi nhiễm do bắn máu và/hoặc dịch cơ thể lên da bị tổn thương, khi phơi nhiễm do bắn máu hoặc dịch cơ thể lên mắt, khi phơi nhiễm do bắn máu và/hoặc dịch cơ thể lên miệng hoặc mũi, khi phơi nhiễm do bắn máu và/hoặc dịch cơ thể lên da nguyên vẹn: tỉ lệ hoàn toàn đồng ý và đồng ý lần lượt là 92,1% và 83,3%; 91,16%, 81,39% và 84,19%; 92,16% và 90,70%; 91,16%, 80,70%, 86,51% và 90,13%; 92, 56% và 81,86% cho thấy sự đồng ý cao về các bước sơ cứu; một tỉ lệ nhỏ về không đồng ý nhưng không phản đối; không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý từ 11,16% trở xuống, cho thấy có một phần nhỏ sinh viên không hoàn toàn đồng tình và điều này cần được xem xét. ***Từ khóa:*** Các bước sơ cứu tổn thương, phơi nhiễm, máu, dịch cơ thể,bệnh viện thực hành, sinh viên.

[1]*Trường Đại học Y Dược Cần Thơ*
Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Thị Hồng
Email: nthong@ctump.edu.vn
Ngày nhận bài: 9.8.2024
Ngày phản biện khoa học: 18.9.2024
Ngày duyệt bài: 14.10.2024

SUMMARY

SURVEY ON KNOWLEDGE OF FIRST AID STEPS FOR MANAGING INJURIES AND EXPOSURE TO BLOOD AND BODY FLUIDS DURING STUDENT CLINICAL PRACTICUMS AT TEACHING HOSPITALS

Objective: During my internship at the hospital, I observed that medical students frequently encounter situations involving patients' blood and body fluids. Recognizing the critical importance of students' knowledge of first aid steps in such scenarios, we initiated a survey to assess their understanding and practices when dealing with injuries and exposure to blood and body fluids in practice hospitals. **Methods:** Analytical cross-sectional description. **Results:** Proportion of men: 49 (22.79%), women: 166 (77.21%). In the survey, agree on first aid steps when experiencing injury from needles or sharp objects, when exposed due to splashing blood and/or body fluids on damaged skin, when exposed due to splashing blood or body fluids to the eyes, when exposed by splashes of blood and/or body fluids to the mouth or nose, when exposed by splashes of blood and/or body fluids to intact skin: the rates of strongly agree and agree are 92.1% and 83.3%; 91.16%, 81.39% and 84.19%; 92.16% and 90.70%; 91.16%, 80.70%, 86.51% and 90.13%; 92, 56% and 81.86%; The rates of neither agreeing nor disagreeing were 3.72% and 7.91%; 4.19%, 7.91% and 9.77%; 5.58% and 6.51%; 5.58%, 6.51%, 9.3% and 6.51%; 4.65% and 11.16%. **Conclude:** The ratio of men was 22.79% and women 77.21%. In the survey, agree on first aid steps when experiencing injury from needles or sharp objects, when exposed due to splashing blood and/or body fluids on damaged skin, when exposed due to splashing blood or body fluids to the eyes, when exposed by splashes of blood and/or body fluids to the mouth or nose, when exposed by splashes of blood and/or body fluids to intact skin: the rates of strongly agree and agree are 92, respectively, 1% and 83.3%; 91.16%, 81.39% and 84.19%; 92.16% and 90.70%; 91.16%, 80.70%, 86.51% and 90.13%; 92, 56% and 81.86% showed high agreement regarding first aid steps; a small percentage disagree but do not disagree; disagree and strongly disagree were 11.16% or less, indicating that there is a small portion of students who do not entirely agree and this needs to be considered.

Keywords: First aid steps for injuries, exposure, blood, bodily fluids, training hospital, student

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong quá trình thực tập tại bệnh viện, sinh viên ngành y tế thường tiếp xúc trực tiếp với máu và dịch cơ thể của bệnh nhân. Điều này đặt ra một vấn đề quan trọng về khảo sát kiến thức về sơ cứu xử lý tổn thương, phơi nhiễm với máu và dịch cơ thể khi thực tập tại các bệnh viện thực hành của sinh viên nhằm đảm bảo an toàn cho sinh viên và bệnh nhân, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ y tế và đóng góp vào phát triển kinh tế của quốc gia.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp nghiên cứu: Mô tả cắt ngang có phân tích

Thời gian nghiên cứu: Tháng 11/2023 đến 11/2024.

Địa điểm nghiên cứu: Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

Tiêu chuẩn chọn mẫu: Sinh viên chuyên ngành kỹ thuật xét nghiệm y học, sinh viên chuyên ngành điều dưỡng đa khoa, sinh viên chuyên ngành hộ sinh năm 3, 4 Khoa Điều Dưỡng - Kỹ Thuật Y Học - Trường Đại học Y Dược Cần Thơ tự nguyện đồng ý tham gia nghiên cứu

Tiêu chuẩn loại trừ: Sinh viên không đồng ý tham gia nghiên cứu.

Cỡ mẫu: Được tính theo công thức:

$$n \geq Z^2_{\alpha/2} \frac{P(1-P)}{d^2}$$

n: Số các cá thể cần nghiên cứu, d: 0,07, α: Mức ý nghĩa thống kê (0,05, $Z^2_{\alpha/2}$ =(1,96)^2 với độ tin cậy 95%, P: Khả năng lớn nhất có thể xảy ra của tổng thể mẫu nghiên cứu 0,5. n ≥ 196

Xử lý dữ liệu: Sử dụng kiểm định thống kê được thực hiện bởi phần mềm Stata 14.1, Excel.

Y đức trong nghiên cứu: phiếu chấp thuận của Hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, số 23.048.GV/PCT-HĐĐĐ ngày 25 tháng 12 năm 2023.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Chúng tôi tiến hành nghiên cứu trên 215 sinh viên và thỏa các điều kiện chọn mẫu trong thời gian nghiên cứu, có kết quả như sau:

3.1. Một số đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Phân bố dân số nghiên cứu theo giới tính

Giới tính	Tần số	Tỉ lệ (%)
Nam	49	22,79
Nữ	166	77,21
Tổng cộng	215	100

Nhận xét: Tỉ lệ nam và nữ (nam: 49 (22,79%), nữ: 166 (77,21%)).

Bảng 2. Khảo sát kiến thức về các bước sơ cứu khi gặp tổn thương do kim tiêm hay vật sắc nhọn

Xử lý tổn thương	Mức độ đồng ý	Tần số	Tỉ lệ (%)
Rửa ngay vùng da bị tổn thương bằng xà phòng và nước, dưới với nước chảy	Hoàn toàn đồng ý	99	46,05
	Đồng ý	99	46,05
	Không đồng ý nhưng cũng không phản đối	8	3,72
	Không đồng ý	5	2,33
	Hoàn toàn không đồng ý	4	1,86
Để máu ở vết thương tự chảy, không nặn bóp vết	Hoàn toàn đồng ý	76	35,35
	Đồng ý	103	47,91
	Không đồng ý nhưng cũng không phản đối	17	7,91

thương	Không đồng ý	11	5,12
	Hoàn toàn không đồng ý	8	3,72

Nhận xét: Tỉ lệ hoàn toàn đồng ý và đồng ý chiếm tỉ lệ 92,1% và 83,3%. Tỉ lệ không đồng ý nhưng cũng không phản đối chiếm tỉ lệ 3,72% và 7,91%. Tỉ lệ không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý chiếm tỉ lệ 4,19% và 8,84%.

Bảng 3. Khảo sát kiến thức về các bước sơ cứu khi phơi nhiễm do bắn máu và/hoặc dịch cơ thể lên da bị tổn thương

Xử lý phơi nhiễm	Mức độ đồng ý	Tần số	Tỉ lệ (%)
Rửa khu vực bị tổn thương ngay bằng xà phòng và nước dưới vòi nước chảy	Hoàn toàn đồng ý	80	37,21
	Đồng ý	116	53,95
	Không đồng ý nhưng cũng không phản đối	9	4,19
	Không đồng ý	5	2,33
	Hoàn toàn không đồng ý	5	2,33
KHÔNG sử dụng thuốc khử khuẩn trên da	Hoàn toàn đồng ý	81	37,67
	Đồng ý	94	43,72
	Không đồng ý nhưng cũng không phản đối	17	7,91
	Không đồng ý	18	8,37
	Hoàn toàn không đồng ý	5	2,33
KHÔNG cọ hoặc chà khu vực bị tổn thương	Hoàn toàn đồng ý	58	26,98
	Đồng ý	123	57,21
	Không đồng ý nhưng cũng không phản đối	21	9,77
	Không đồng ý	10	4,65
	Hoàn toàn không đồng ý	3	1,40

Nhận xét: Tỉ lệ hoàn toàn đồng ý và đồng ý chiếm tỉ lệ 91,16%, 81,39% và 84,19%. Tỉ lệ không đồng ý nhưng cũng không phản đối chiếm tỉ lệ 4,19%, 7,91% và 9,77%. Tỉ lệ không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý chiếm tỉ lệ 4,66%, 10,70% và 6,05%

Bảng 4. Khảo sát kiến thức về các bước sơ cứu khi phơi nhiễm do bắn máu hoặc dịch cơ thể lên mắt

Xử lý phơi nhiễm	Mức độ đồng ý	Tần số	Tỉ lệ (%)
Xả nước nhẹ nhưng thật kỹ dưới dòng nước chảy hoặc nước muối 0,9% vô khuẩn trong ít nhất 15 phút trong lúc mở mắt, lộn nhẹ mi mắt	Hoàn toàn đồng ý	82	38,14
	Đồng ý	114	53,02
	Không đồng ý nhưng cũng không phản đối	12	5,58
	Không đồng ý	1	0,47
	Hoàn toàn không đồng ý	6	2,79
Không dụi mắt	Hoàn toàn đồng ý	84	39,07
	Đồng ý	111	51,63
	Không đồng ý nhưng cũng không phản đối	14	6,51
	Không đồng ý	1	0,47
	Hoàn toàn không đồng ý	5	2,33

Nhận xét: Tỉ lệ hoàn toàn đồng ý và đồng ý chiếm tỉ lệ 92,16% và 90,70%. Tỉ lệ không đồng ý nhưng cũng không phản đối chiếm tỉ lệ 5,58% và 6,51%. Tỉ lệ không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý chiếm tỉ lệ 3,16% và 2,80%

Bảng 5. Khảo sát kiến thức về các bước sơ cứu khi phơi nhiễm do bắn máu và/hoặc dịch cơ thể lên miệng hoặc mũi

Xử lý phơi nhiễm	Mức độ đồng ý	Tần số	Tỉ lệ (%)
Nhổ khạc ngay máu hoặc dịch cơ thể và xúc miệng bằng nước nhiều lần	Hoàn toàn đồng ý	82	38,14
	Đồng ý	114	53,02
	Không đồng ý nhưng cũng không phản đối	12	5,58
	Không đồng ý	1	0,47
	Hoàn toàn không đồng ý	6	2,79
Xỉ mũi và rửa sạch vùng bị ảnh hưởng bằng nước hoặc nước muối 0.9% vô khuẩn	Hoàn toàn đồng ý	84	39,07
	Đồng ý	111	51,63
	Không đồng ý nhưng cũng không phản đối	14	6,51
	Không đồng ý	1	0,47
	Hoàn toàn không đồng ý	5	2,33
KHÔNG sử dụng thuốc khử khuẩn	Hoàn toàn đồng ý	57	26,51
	Đồng ý	129	60,00
	Không đồng ý nhưng cũng không phản đối	20	9,30
	Không đồng ý	4	1,86
	Hoàn toàn không đồng ý	5	2,33
KHÔNG đánh răng	Hoàn toàn đồng ý	61	28,37
	Đồng ý	133	61,86
	Không đồng ý nhưng cũng không phản đối	14	6,51
	Không đồng ý	4	1,86
	Hoàn toàn không đồng ý	3	1,40

Nhận xét: Tỉ lệ hoàn toàn đồng ý và đồng ý chiếm tỉ lệ 91,16%, 80,70%, 86,51% và 90,13%. Tỉ lệ không đồng ý nhưng cũng không phản đối chiếm tỉ lệ 5,58%, 6,51%, 9,3% và 6,51%. Tỉ lệ không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý chiếm tỉ lệ 3,16%, 2,77%, 4,19% và 3,26%

Bảng 6. Khảo sát kiến thức về các bước sơ cứu khi phơi nhiễm do bắn máu và/hoặc dịch cơ thể lên da nguyên vẹn

Xử lý phơi nhiễm	Mức độ đồng ý	Tần số	Tỉ lệ (%)
Rửa khu vực bị vấy máu	Hoàn toàn đồng ý	82	38,14
	Đồng ý	117	54,42

hoặc dịch cơ thể ngay bằng xà phòng và nước dưới vòi nước chảy	Không đồng ý nhưng cũng không phản đối	10	4,65
	Không đồng ý	1	0,47
	Hoàn toàn không đồng ý	5	2,33
KHÔNG chà sát khu vực bị vấy máu hoặc dịch	Hoàn toàn đồng ý	58	26,98
	Đồng ý	118	54,88
	Không đồng ý nhưng cũng không phản đối	24	11,16
	Không đồng ý	10	4,65
	Hoàn toàn không đồng ý	5	2,33

Nhận xét: Tỉ lệ hoàn toàn đồng ý và đồng ý chiếm tỉ lệ 92, 56% và 81,86%. Tỉ lệ không đồng ý nhưng cũng không phản đối chiếm tỉ lệ 4,65% và 11,16%. Tỉ lệ không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý chiếm tỉ lệ 2,77% và 6,98%

IV. BÀN LUẬN

- Nghiên cứu của Fatima Asmat và cộng sự, nghiên cứu khảo sát theo bảng câu hỏi cắt ngang (2019) về kiến thức, thực hành và nhận thức của sinh viên đại học và sau đại học về nha khoa đối với biện pháp phòng ngừa sau phơi nhiễm và chấn thương do kim tiêm. Sinh viên đại học (sinh viên năm thứ 3, năm cuối và thực tập sinh) và sau đại học theo học tại Khoa Nha khoa, AM U và tham gia vào việc xử lý bệnh nhân lâm sàng đã được đưa vào nghiên cứu: nam: 48 (57,43%), nữ: 35(42,17%). Nghiên cứu của chúng tôi, đối tượng nghiên cứu là sinh viên chuyên ngành kỹ thuật xét nghiệm y học, sinh viên chuyên ngành điều dưỡng đa khoa, sinh viên chuyên ngành hộ sinh năm thứ 3, 4 (năm cuối) Khoa Điều Dưỡng - Kỹ Thuật Y Học - Trường Đại học Y Dược Cần Thơ tự nguyện đồng ý tham gia nghiên cứu: nam: 49 (22,79%), nữ: 166 (77,21%). Điều này cũng tương đối phù hợp đối tượng nghiên cứu của tác giả trên là sinh viên năm thứ 3, năm cuối.

-Nghiên cứu của Fatima Asmat và cộng sự (2020), có 60,2% (50/83) sinh viên trả lời đạt được điểm số thỏa đáng (>70% phản hồi đúng) về kiến thức về tổn thương do kim tiêm và phòng ngừa sau tổn thương. Nghiên cứu của chúng tôi, nhận thấy rằng tỉ lệ hoàn toàn đồng ý và đồng ý chiếm tỉ lệ 92,1% và 83,3%, cho thấy kiến thức về các bước sơ cứu khi gặp tổn thương do kim tiêm hay vật sắc nhọn của sinh viên có cao hơn nghiên cứu của Fatima Asmat và công sự và vẫn có sự tương đồng giữa hai nghiên cứu.

- Nghiên cứu của K. H. Nguyen và cộng sự (2021), với 50% sinh viên y khoa và điều dưỡng có kiến thức đầy đủ về quy trình sơ cứu, con số này cho thấy rằng một nửa số sinh viên trong nghiên cứu đã hiểu và biết cách thực hiện các bước cần thiết khi tiếp xúc với máu hoặc dịch cơ thể trên da bị tổn thương. Nghiên cứu của chúng tôi, nhận thấy rằng tỉ lệ hoàn toàn đồng ý và đồng ý chiếm tỉ lệ 91,16%, 81,39% và 84,19% cho thấy kiến thức về các bước sơ cứu khi phơi nhiễm do bắn máu và/hoặc dịch cơ thể lên da bị tổn thương của sinh viên đạt hiệu quả cao. Tuy nhiên, tỉ lệ không đồng ý nhưng cũng không phản đối, tỉ lệ không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý cũng là những con số đáng được quan tâm để cải tiến trong quá trình giảng dạy trong thời gian sắp tới.

- Nghiên cứu của N. B. Johnson và cộng sự (2020), mặc dù 40% sinh viên có kiến thức đầy đủ, vẫn có 60% chưa nắm vững quy trình này. Điều này cho thấy cần có sự cải thiện đáng kể trong việc giáo dục và cung cấp thông tin cho sinh viên về cách xử lý các tình huống phơi nhiễm vào mắt. Kiến thức đúng là nền tảng quan trọng, nhưng không đủ nếu không được áp dụng vào thực tế. Nghiên cứu của chúng tôi, nhận thấy rằng tỉ lệ hoàn toàn đồng ý và đồng ý chiếm tỉ lệ 92,16% và 90,70% cho thấy kiến thức về các bước sơ cứu khi phơi nhiễm do bắn máu hoặc dịch cơ thể lên mắt của sinh viên đạt hiệu quả cao. Sự khác nhau này có thể là do số lượng câu hỏi của hai nguyên cứu khác nhau và một số yếu tố khách quan khác.

- Nghiên cứu của S. A. DeCosta và cộng sự (2018), chỉ 30% sinh viên biết đúng quy trình sơ cứu khi tiếp xúc với máu hoặc dịch cơ thể vào miệng hoặc mũi. Sự thiếu sót trong kiến thức có thể do chương trình đào tạo chưa đầy đủ hoặc không được cập nhật thường xuyên với các hướng dẫn mới nhất về phòng ngừa và sơ cứu. Nghiên cứu của chúng tôi, nhận thấy rằng tỉ lệ hoàn toàn đồng ý và đồng ý chiếm tỉ lệ 91,16%, 80,70%, 86,51% và 90,13% cho thấy kiến thức về các bước sơ cứu khi phơi nhiễm do bắn máu và/hoặc dịch cơ thể lên miệng hoặc mũi của sinh viên đạt hiệu quả cao. Tuy nhiên, cũng cần quan tâm đến tỉ lệ không đồng ý nhưng cũng không phản đối chiếm tỉ lệ 5,58%, 6,51%, 9,3% và 6,51%, tỉ lệ không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý chiếm tỉ lệ 3,16%, 2,77%, 4,19% và 3,26% cần được quan tâm và cải thiện.

- Nghiên cứu của J. A. Wong và cộng sự (2021), số liệu cho thấy 35% sinh viên y khoa có kiến thức đầy đủ về quy trình sơ cứu khi tiếp xúc với máu hoặc dịch cơ thể. Con số này cho thấy một tỷ lệ không nhỏ sinh viên y khoa vẫn thiếu kiến thức cần thiết để thực hiện các biện pháp sơ cứu hiệu quả. Điều này có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng ứng phó với các tình huống khẩn cấp liên quan đến phơi nhiễm máu

và dịch cơ thể. Nghiên cứu của chúng tôi, nhận thấy rằng tỉ lệ hoàn toàn đồng ý và đồng ý chiếm tỉ lệ 92, 56% và 81,86% cho thấy kiến thức về các bước sơ cứu khi phơi nhiễm do bắn máu và/hoặc dịch cơ thể lên da nguyên vẹn của sinh viên đạt hiệu quả cao.

Nhận xét chung: Mức độ đồng ý và kiến thức: Phần lớn sinh viên đều hoàn toàn đồng ý hoặc đồng ý với các bước sơ cứu. Những vấn đề cần cải thiện: Cần có sự cải thiện trong việc truyền đạt và giảng dạy các bước sơ cứu, cần tiến hành các biện pháp nâng cao sự hiểu biết và sự tự tin của sinh viên về các quy trình sơ cứu thông qua đào tạo bổ sung, thực hành và các buổi hướng dẫn tương tác.

V. KẾT LUẬN

Tỉ lệ nam: 22,79%, nữ: 77,21%. Trong khảo sát đồng ý về các bước sơ cứu khi gặp tổn thương do kim tiêm hay vật sắc nhọn, khi phơi nhiễm do bắn máu và/hoặc dịch cơ thể lên da bị tổn thương, khi phơi nhiễm do bắn máu hoặc dịch cơ thể lên mắt, khi phơi nhiễm do bắn máu và/hoặc dịch cơ thể lên miệng hoặc mũi, khi phơi nhiễm do bắn máu và/hoặc dịch cơ thể lên da nguyên vẹn: tỉ lệ hoàn toàn đồng ý và đồng ý lần lượt là 92,1% và 83,3%; 91,16%, 81,39% và 84,19%; 92,16% và 90,70%; 91,16%, 80,70%, 86,51% và 90,13%; 92, 56% và 81,86% cho thấy sự đồng ý cao về các bước sơ cứu; một tỉ lệ nhỏ về không đồng ý nhưng không phản đối; không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý từ 11,16% trở xuống, cho thấy có một phần nhỏ sinh viên không hoàn toàn đồng tình và điều này cần được xem xét.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **S. A. DeCosta, A. K. Patel, et al** (2018). Assessment of Knowledge and Practices Regarding Bloodborne Pathogen Exposure Among Medical Students, Journal of Medical Education and Curricular Development.
2. **K. H. Nguyen, D. M. Stevens, et al** (2021). Evaluation of Post-Exposure Prophylaxis Practices Among Medical and Nursing Students Following Blood and Body Fluid Spills, Journal of Hospital Infection.
3. **M. A. Khamis, H. M. Ahmed, et al.** (2020), Knowledge and Practice of Post-Exposure Prophylaxis Among Healthcare Workers Following Blood and Body Fluid Splashes to the Eyes: A Survey-Based Study, Journal of Occupational Health.
4. **J. A. Wong, L. F. O'Brien, et al.** (2021), Knowledge and Practices Regarding Bloodborne Pathogen Exposure Among Medical Students: A Cross-Sectional Study, American Journal of Infection Control.
5. **N. B. Johnson, R. A. Patel, et al.** (2022), Assessment of Knowledge and Practices Regarding Bloodborne Pathogen Exposure to the Eyes Among Medical Students, Journal of Medical Education and Training.
6. **Fatima, Asmat; Alam, Sharique; Iftekhar, Huma; Tewari, Rajendra Kumar; Nisar Andrabi, Syed Mukhtar-Un; Faraz, Amber Ali,** Knowledge, practice, and awareness of dental undergraduate and postgraduate students toward postexposure prophylaxis and needlestick injuries. A descriptive cross-sectional institutional dental hospital study, Journal of Oral Research and Review, 13(2):p 106-114

TỔNG QUAN VAI TRÒ CỦA NỘI SOI ỐNG MỀM TRONG GIẤC NGỦ ĐỂ CHẨN ĐOÁN NGỪNG THỞ KHI NGỦ

Khổng Thị Thiên Hương[1], Phạm Thị Bích Đào[1]

TÓM TẮT

Mục tiêu: 1. Mô tả đặc điểm các nghiên cứu sử dụng nội soi ống mềm trong chẩn đoán ngưng thở khi ngủ; 2. Mô tả tổng hợp vai trò của nội soi ống mềm trong chẩn đoán ngưng thở khi ngủ. **Đối tượng và phương pháp:** Tổng quan luận điểm về vai trò của nội soi ống mềm trong giấc ngủ để chẩn đoán ngừng thở khi ngủ. Một tìm kiếm toàn diện từ 3 cơ sở dữ liệu bao gồm Pubmed, Cochrane, Sciencedirect được tiến hành. Chúng tôi tổng hợp được 615 tài liệu liên quan, sau đó các tài liệu được rà soát tiêu đề và tóm tắt đã loại trừ 585 tài liệu trùng lặp còn lại 30 tài liệu được đưa vào phân tích toàn văn. Sau khi phân tích các bài toàn văn 13 tài liệu được đưa vào nghiên cứu. **Kết quả:** Có 3011 bệnh nhân trong 13 nghiên cứu được đưa vào phân tích, trong đó có với 6 nghiên cứu thuần tập (có 2 tiến cứu, 4 hồi cứu); 6 nghiên cứu mô tả (4 cắt ngang, 2 mô tả chùm ca bệnh); 1 nghiên cứu bệnh chứng. Có 3 nghiên cứu tại châu Á, 5 nghiên cứu châu Âu, 5 nghiên cứu châu Mỹ. Các nghiên cứu tập sử dụng nội soi ống mềm khi ngủ trong bệnh cảnh bệnh nhân mắc hội chứng ngừng thở các mức độ (nhẹ, trung bình và nặng). Độ tuổi trung bình thường gặp từ 40-60 tuổi (dao động từ 38,9 ± 9,26 đến 60,4 ± 11,0). Đa số bệnh nhân bị thừa cân BMI>25 hoặc

[1]*Trường Đại học Y Hà Nội*
Chịu trách nhiệm chính: Phạm Thị Bích Đào
Email: daoptb0024@hmuh.vn

Ngày nhận bài: 8.8.2024
Ngày phản biện khoa học: 18.9.2024
Ngày duyệt bài: 18.10.2024